

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ- LUẬT

TÔ THỊ ĐÔNG HÀ

**PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT

Tp. Hồ Chí Minh năm 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ- LUẬT

TÔ THỊ ĐÔNG HÀ

**PHÁP LUẬT VỀ DOANH NGHIỆP XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số chuyên ngành: 62 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Tp. Hồ Chí Minh năm 2022

Công trình được hoàn thành tại: **Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học 1: PGS. TS Bùi Xuân Hải

Người hướng dẫn khoa học 2: PGS. TS Nguyễn Thị Hồng Nhung

Phản biện độc lập 1:.....

Phản biện độc lập 2:.....

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án họp tại

.....

.....

vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện trung tâm ĐHQG - HCM

- Thư viện Khoa học Tổng hợp Tp.HCM

- Thư viện trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG - HCM

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Doanh nghiệp xã hội (DNXH) không phải vấn đề mới nhưng là một trào lưu phát triển mạnh mẽ trong gần một thập kỷ qua ở hầu hết các châu lục. Về cơ bản, DNXH là doanh nghiệp sáng tạo nhằm giúp đỡ những người dân có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội thông qua giải pháp thị trường. Sự ra đời của DNXH thách thức khái niệm truyền thống của một doanh nghiệp, vì nó đặt lợi ích xã hội vào trung tâm của hoạt động kinh doanh. Trong khi doanh nghiệp truyền thống đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu, có đủ lợi nhuận rồi mới thực hiện sứ mệnh xã hội hoặc thực hiện trách nhiệm xã hội như là một chiến lược phục vụ cho kinh doanh thì đối với DNXH, kết quả tài chính là phương tiện để đạt được sứ mệnh xã hội, chứ không phải là mục tiêu chính. DNXH cũng làm dấy lên cuộc tranh luận về khái niệm truyền thống của một tổ chức phi lợi nhuận, vì nó nhấn mạnh cách tiếp cận thị trường trong hoạt động của tổ chức này. Trong khi các tổ chức xã hội thực hiện mục tiêu xã hội chủ yếu từ nguồn tài trợ, viện trợ, quyên góp... thì DNXH sử dụng chiến lược kinh doanh để giải quyết các vấn đề xã hội cụ thể, từ sáng kiến xã hội của các doanh nhân.

Đóng góp của DNXH cho xã hội là rất đa dạng, và thường tập trung vào ba lĩnh vực: i) cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mang tính sáng tạo phù hợp với nhu cầu của cộng đồng có hoàn cảnh đặc biệt (người khuyết tật, người có HIV/AIDS...); ii) tạo cơ hội hòa nhập xã hội cho các cá nhân và cộng đồng yếu thế thông qua các chương trình đào tạo phù hợp, tạo cơ hội việc làm; iii) đưa ra các giải pháp mới cho những vấn đề xã hội chưa được đầu tư rộng rãi như biến đổi khí hậu, năng lượng thay thế, tái chế... Rõ ràng, DNXH là một mô hình kinh doanh tốt rất cần thiết cho một đất nước đang phát triển, có thu nhập trung bình thấp và đang đối mặt với nhiều vấn đề xã hội như Việt Nam. Đặc biệt, do tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đại

dịch Covid-19, tỉ lệ thất nghiệp và các vấn đề xã hội càng trở nên phức tạp thì càng cần nhiều DNXH.

Do những đóng góp của DNXH đối với mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội là rất to lớn, nhiều chính phủ đã có sự quan tâm và hành động cụ thể trong việc thúc đẩy DNXH phát triển. Ở Mỹ, nhiều bang đã sửa đổi các đạo luật về công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) hoặc công ty cổ phần (CTCP) truyền thống để tạo ra hình thức pháp lý mới dành riêng cho DNXH như Công ty lợi nhuận thấp (L3Cs), Công ty Lợi ích (BC), Công ty Mục đích Linh hoạt (FPC), và Công ty Mục đích xã hội (SPCs). Chính phủ liên bang còn thành lập Văn phòng Sáng kiến xã hội và Sự tham gia của công dân (Office of Social Innovation and Civic Participation- SICP) hoạt động như một tổ chức NGO.

Ở châu Âu, một làn sóng mạnh mẽ ban hành các các đạo luật (với tên gọi khác nhau) về kinh doanh xã hội (KDXH), DNXH nhằm kích thích phong trào đầu tư xã hội ở các nước thành viên. Nhiều đạo luật điều chỉnh riêng cho DNXH được ra đời; thậm chí một vài nước như Hy Lạp và Ý đã thông qua hơn một đạo luật về lĩnh vực này. Một số nước thành viên khác của Liên minh châu Âu (EU) đã áp dụng các qui định pháp lý thông thường để cho phép sự thành lập và vận hành DNXH. Đặc biệt, mô hình Công ty Lợi ích Cộng đồng (CIC) dành riêng cho DNXH ở Anh tiếp tục có sự tăng trưởng cùng với sự hỗ trợ và giám sát đồng bộ, hiệu quả của Chính phủ Anh.

Ở châu Á, một số quốc gia điển hình như Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan đã quan tâm đến DNXH từ hơn một thập kỷ trước. Nhiều quyết sách cụ thể được các quốc gia này thực hiện như: thành lập các cơ quan chuyên trách về DNXH để trực tiếp nghiên cứu, lập chính sách phát triển DNXH, điều phối các chương trình khuyến khích, hỗ trợ DNXH... Các văn bản lập pháp, lập quy về DNXH cũng được chú trọng soạn thảo và ban hành ở các nước này.

Tuy nhiên, một số vấn đề lý luận cơ bản về DNXH chưa nhận được sự thống nhất của các nhà nghiên cứu và các nhà hoạt động thực tiễn trên thế giới. Điển hình là khái niệm về DNXH. Nhiều ý kiến cho rằng DNXH là “một định nghĩa gây tranh cãi gay gắt” (hostly contested term), “một nhiệm vụ đầy thách thức” (a challenging task) và thực tế cho thấy “nó được định nghĩa khác nhau giữa các quốc gia và các vùng”. Sự không thống nhất khi định nghĩa về DNXH đã trở thành “một trong những trở ngại chủ yếu của các cuộc thảo luận và nghiên cứu về DNXH”. Thực trạng này đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành và diện mạo của pháp luật về DNXH ở các nước và khu vực; từ đó, tác động đến số lượng và chất lượng của DNXH trong thực tiễn và Việt Nam cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Mặt khác, các công trình nghiên cứu về DNXH trên thế giới chủ yếu xoay quanh lý do và điều kiện phát triển của DNXH; rất ít công trình đề cập đến các khía cạnh pháp lý của mô hình này.

Ở Việt Nam, mãi đến năm 2014, lần đầu tiên, DNXH được luật hóa bởi Luật Doanh nghiệp (LDN). LDN 2014 chỉ dành một điều (Điều 10) để đề cập đến DNXH, về tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của DNXH. Điều luật này được tiếp tục cụ thể hóa tại Nghị định số 96/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 10 năm 2015 qui định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 96/2015/NĐ-CP) và Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17/5/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư qui định chi tiết về các biểu mẫu về đăng ký DNXH (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT). Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng ghi nhận DNXH là một loại “pháp nhân phi thương mại”. Nhiều quy định pháp luật về DNXH trong LDN 2014 và các văn bản dưới luật tiếp tục được kế thừa trong LDN 2020, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2021/NĐ-CP), Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính

phủ hướng dẫn Luật Doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP), Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT). Những kết quả bước đầu này là tín hiệu đáng mừng trong chặng đường xây dựng khung pháp lý và hệ sinh thái thuận lợi cho sự phát triển của DNXH, góp phần thúc đẩy phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do Chính phủ phát động hiện nay.

Tuy nhiên, các quy định cụ thể của pháp luật về DNXH ở Việt Nam chưa đáp ứng sự mong đợi của doanh nhân. Tiêu chí về hình thức của DNXH được qui định trong LDN 2014 và LDN 2020 hẹp hơn rất nhiều so với loại hình “nơi trú ngụ” của các “DNXH tự nhận” tồn tại trước khi có đạo luật này. Mặt khác, do chưa hiểu hết về DNXH; đồng thời, do sự thiếu cụ thể, rõ ràng trong các qui định của pháp luật về DNXH mà các cơ quan chức năng đã dè dặt, lúng túng khi thực hiện thủ tục đăng ký mới DNXH hoặc chuyển đổi các tổ chức từ thiện, cơ sở bảo trợ xã hội sang DNXH. Cơ chế quản lý, giám sát chưa tạo ra niềm tin và sự hiệu quả: khi lượng DNXH đăng ký thành lập mới (năm 2016) tăng đột biến, lại làm dấy lên những nghi vấn về khả năng vụ lợi từ hiện tượng này. Không những thế, trong quá trình hoạt động, các DNXH Việt Nam phải đối mặt với rất nhiều khó khăn: nhận thức của xã hội về DNXH còn ít ỏi; nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận vốn, kỹ năng quản lý điều hành kinh doanh và gắn kết cộng đồng, cũng như một hệ thống các tổ chức trung gian, dịch vụ hỗ trợ có tính kết nối của DNXH đều hạn chế.

Xuất phát từ những trình bày trên đây, nghiên cứu sinh (NCS) chọn đề tài: “**Pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam**” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ luật học, chuyên ngành luật kinh tế là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay, nhằm bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về DNXH, tạo cơ sở khoa học cho việc kiến nghị và hoàn thiện pháp luật về DNXH.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận về DNXH, pháp luật về DNXH ở Việt Nam và thế giới, thực tiễn áp dụng pháp luật về DNXH, luận án đặt mục tiêu tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về tiêu chí, hình thức pháp lý, chế độ hỗ trợ và giám sát DNXH ở Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật đối với DNXH, thúc đẩy DNXH phát triển.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, Luận án đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu là: khảo sát tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về DNXH và xác định vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án; nghiên cứu tài liệu, hệ thống hóa và định hình cơ sở lý thuyết, quan điểm nền tảng cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về DNXH ở Việt Nam; làm rõ các vấn đề lý luận và các quy định pháp luật về định nghĩa, các tiêu chí và hình thức pháp lý, chế độ hỗ trợ và giám sát DNXH ở một số nước tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam; đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về các lĩnh vực này.

3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu truyền thống của khoa học xã hội, khoa học pháp lý, gồm:

- *Phương pháp nghiên cứu định tính*

- *Phương pháp luật học so sánh*: các quốc gia được chọn để so sánh pháp luật về DNXH gồm: Anh Quốc- quốc gia có phong trào DNXH sớm nhất và mạnh mẽ nhất hiện nay; Mỹ- quốc gia cải cách mạnh mẽ các đạo luật về công ty nhằm thúc đẩy DNXH phát triển; Ý- quốc gia tiên phong trong việc phát triển mô hình HTXXH; Hàn Quốc- quốc gia có phong trào DNXH phát triển ở khu vực châu Á.

- *Phương pháp lịch sử*

- *Phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học*

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về DNXH và thực trạng quá trình thực hiện chúng; các quy định của pháp luật ở một số quốc gia trên thế giới; các công trình nghiên cứu về DNXH trong và ngoài nước.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Do thuật ngữ DNXH lần đầu tiên được thể chế hóa trong LDN 2014, nên giới hạn phạm vi nghiên cứu của Luận án là pháp luật về DNXH tại Việt Nam, bắt đầu từ khi có LDN 2014 cho đến nay. Luận án không nghiên cứu tất cả các khía cạnh kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa... của DNXH mà chủ yếu tập trung vào khía cạnh pháp lý của DNXH. Luận án cũng không nghiên cứu mọi lĩnh vực pháp luật liên quan đến DNXH mà tập trung vào lĩnh vực pháp luật đặc thù của DNXH so với doanh nghiệp thông thường, liên quan đến các mặt sau đây của DNXH: định nghĩa và các tiêu chí, hình thức pháp lý của DNXH, hỗ trợ và giám sát DNXH.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu

Về mặt khoa học, luận án là công trình bổ sung về mặt lý luận khi luận bàn về định nghĩa và các tiêu chí của DNXH, khám phá các cách tiếp cận về hình thức pháp lý của DNXH; nghiên cứu chế độ hỗ trợ và giám sát DNXH trong pháp luật Việt Nam so với pháp luật của một số nước điển hình trên thế giới.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan xây dựng pháp luật hoặc các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy, đào tạo về pháp luật và DNXH.

6. Bố cục luận án

Nội dung của luận án bao gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài và các vấn đề liên quan đến luận án

Chương 2: Định nghĩa và các tiêu chí của doanh nghiệp xã hội

Chương 3: Hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội

Chương 4: Pháp luật về hỗ trợ và giám sát doanh nghiệp xã hội

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI VÀ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN CỦA LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

DNXH Việt Nam chỉ mới được cộng đồng Việt Nam chú ý gần đây; do vậy, những công trình khoa học về DNXH của Việt Nam còn khá ít. Tiêu biểu là các công trình sau: Báo cáo “*Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam - Khái niệm, bối cảnh và chính sách*” năm 2012; công trình “*Thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam*” năm 2018, “*Báo cáo nghiên cứu hiện trạng DNXH tại Việt Nam*” qua 10 năm (2008-2019); Hội thảo Khoa học cấp quốc gia với chủ đề “*Vai trò của khu vực DNXH đối với phát triển xã hội*” năm 2020. Các công trình này đã cung cấp bức tranh tổng quan về hệ sinh thái cũng như thực trạng của DNXH ở Việt Nam, những khó khăn và cơ hội của khu vực này; từ đó, phát triển những khuyến nghị chính sách cũng như các khuyến nghị quản trị cho doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực luật học, DNXH cũng bắt đầu nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu Việt Nam: Phan Thị Thanh Thủy với bài “*Hình thức pháp lý của DNXH: kinh nghiệm nước Anh và một số gợi mở cho Việt Nam*” (2015) và bài “*Legal and Policy Issues of Social Enterprise in Vietnam:*

Some Suggestions from Taiwan” (2018), Nguyễn Thị Dung với bài *Đánh giá khả năng thực thi pháp luật hiện hành về DNXH ở Việt Nam*” (2017). Các công trình này tập trung phân tích các quy định pháp lý về DNXH trong LDN 2014, nhận xét về hiệu quả điều chỉnh bằng pháp luật đối với DNXH; từ đó, rút ra các nhận định mang tính giải pháp cho vấn đề này.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Đây là những tài liệu chủ yếu phục vụ cho nghiên cứu đề tài của luận án, có thể phân thành các nhóm vấn đề lớn, như sau:

i) Nhóm tài liệu liên quan đến lý thuyết cơ bản về DNXH

Nhóm tài liệu này tập trung bàn luận về định nghĩa và các tiêu chí của DNXH như: “*Recognition and Legal Forms of Social Enterprise in Europe: A Critical Analysis from a Comparative Law Perspective*” của Antonio Fici (2015), “*A Comparative Study of Legal Forms for Social Enterprises in the UK and Thailand*” của Prapin Nuchpiam (2016), “*Social enterprise: An international overview of its conceptual evolution and legal implementation*” của Giulia Galera và Carlo Borzaga (2009), “*Conceptions of Social Enterprise in Europe: A Comparative Perspective with the United States*” của Jacques Defourny and Marthe Nyssens (2012), Báo cáo tổng hợp “*A map of social enterprise and their eco-systems in Europe*” của Ủy ban châu Âu (2015)... Các công trình này cho thấy, đến nay vẫn chưa có một định nghĩa chung thống nhất toàn cầu. Tuy nhiên, các khái niệm đều đồng thuận về bản chất của DNXH là dùng chiến lược kinh doanh để theo đuổi mục tiêu xã hội. Khái niệm về DNXH của EMES đề cập đến loại DNXH “lý tưởng” với 9 tiêu chí thuộc 3 chiều kinh tế, xã hội và quản trị, có sức ảnh hưởng đến các khái niệm khác.

Angus McCabe, Sangjin Hahn (2006) trong bài “*Promoting Social Enterprise in Korea and the UK: Community Economic Development, Alternative Welfare Provision or a Means to Welfare to Work?*” cho rằng,

các định nghĩa về DNXH có các phiên bản khác nhau là do các nền tảng học thuật đa dạng, vị trí địa lý và bối cảnh phát triển kinh tế của các nước. Đây cũng là nhận định của nhiều nhà nghiên cứu, thể hiện trong các công trình so sánh DNXH ở các cấp độ quốc gia, vùng và quốc tế như: Janelle Kerlin (2006) trong *“A Comparative Analysis of the Global Emergence of Social Enterprise”*, *“Social Enterprise in the United States and Europe: Understanding and Learning from the Differences”*, Matthew F. Doeringer (2010) trong *“Fostering social enterprise: A historical and international analysis”*...

ii) *Nhóm các tài liệu về hình thức pháp lý của doanh nghiệp xã hội*

Các công trình phân tích về các hình thức pháp lý của DNXH ở châu Âu và Mỹ chiếm tỉ trọng lớn vì đây là hai khu vực có phong trào DNXH phát triển mạnh mẽ nhất. Chẳng hạn như bài về hình thức pháp lý của DNXH châu Âu như: *“New Frontiers in the Legal Structure and Legislation of Social Enterprises in Europe: A Comparative Analysis”* của Cafaggi, Fabrizio và Iamiceli, Paola (2008), *“Social enterprise in Europe: At the crossroads of market, public policies and third sector”* của J. Defourny, M. Nyssens (2010), *“Recognition and Legal Forms of Social Enterprise in Europe: A Critical Analysis from a Comparative Law Perspective”* của Fici, A. (2015), *A European Statute for Social and Solidarity-Based Enterprise* của Fici, A. (2017)...Hoặc các bài về hình thức pháp lý của DNXH Mỹ như: *“Law and choices of entity on the social enterprise frontier”* của Thomas Kelley (2009), *“Fostering social enterprise: a historical and international analysis”* của Matthew F. Doeringer, 2010, *“The L3C movement: a case of contrary motion”* của Susan R. Dana, Laura M. Prosser, *“The social enterprise revolution in Corporate Law: A primer on emerging corporate entities in Europe and the United States and the case for the Benefit Corporation”* của Robert T. Esposito (2013), *“Regulating Social*

Enterprise” của Dana Brakman Reiser (2014). Qua đó, bức tranh về hình thức pháp lý của DNXH được dựng lên với hai nét vẽ cơ bản: cách tiếp cận chuyên biệt và cách tiếp cận “mở” với các ưu và khuyết điểm mà pháp luật cần chú ý khai thác và chế ngự.

iii) *Nhóm các tài liệu về hỗ trợ, giám sát đối với doanh nghiệp xã hội*

Chủ đề này thường được lồng ghép với hai vấn đề trên trong các công trình nghiên cứu về DNXH, tiêu biểu như: “*New Frontiers in the Legal Structure and Legislation of Social Enterprises in Europe: A Comparative Analysis*” của Fabrizio Cafaggi, Paola Iamiceli (2008), “*The concept and practice of social enterprise. Lessons from the Italian experience*” của Carlo Borzaga, Giulia Galera (2012)... Mặc dù, DNXH đang nổi lên như một mô hình kinh doanh có vai trò to lớn đối với phát triển xã hội nhưng DNXH cũng đối mặt với nhiều thách thức. Những nỗ lực của các nước trong xây dựng pháp luật về hỗ trợ và giám sát DNXH mang lại những kinh nghiệm quý cho Việt Nam.

1.1.3. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

Qua phân tích, so sánh các quy định của pháp luật DNXH hiện hành, cùng các công trình, tài liệu nghiên cứu có liên quan đến DNXH trong và ngoài nước, tác giả nhận thấy còn một số vấn đề mà các công trình đi trước chưa giải quyết như: i) đánh giá cách định nghĩa DNXH trong pháp luật Việt Nam so với thế giới; ii) so sánh khái niệm DNXH dưới góc độ pháp lý và góc độ thực tiễn ở Việt Nam hiện nay và lý giải về vấn đề này; iii) những hình thức pháp lý cụ thể (ngoài doanh nghiệp) cần bổ sung cho DNXH Việt Nam; iv) sự cần thiết kể một hình thức pháp lý đặc thù cho DNXH Việt Nam và đặc điểm cơ bản của mô hình đó; v) đề xuất một cách toàn diện chế độ hỗ trợ và giám sát DNXH ở Việt Nam.

1.2. Cơ sở lý thuyết của luận án

1.2.1. Lý thuyết giá trị các bên liên quan (Stakeholder Value Theory)

Với bản chất là mô hình kinh doanh được sinh ra nhằm thực hiện sứ mệnh xã hội vì cộng đồng, cho nên những nội dung trên của lý thuyết giá trị các bên liên quan cũng chính là những yêu cầu và mục tiêu của DNXH. Vì vậy, lý thuyết này được luận án sử dụng trong chương 2 để so sánh và đánh giá các định nghĩa và các tiêu chí của DNXH ở Việt Nam và thế giới, làm nổi bật bản chất đặc trưng của DNXH. Trong các chương 3, 4, luận án vận dụng lý thuyết này để nghiên cứu về hình thức pháp lý, cơ chế quản trị, chế độ hỗ trợ và giám sát của DNXH, nhằm đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật đáp ứng nhu cầu từ phía các bên liên quan khác nhau.

1.2.2. Lý thuyết nguồn gốc xã hội dân sự (Social Origins Theory)

Vì phần lớn các DNXH đầu tiên có cơ sở là các tổ chức xã hội dân sự, lý thuyết nguồn gốc xã hội dân sự được sử dụng trong chương 2, 3, 4 của luận án như một “bước đệm” tương đối gần để phát triển một cách tiếp cận nhằm hiểu biết sự hình thành và biến đổi DNXH xuyên quốc gia. Đồng thời, lý thuyết này đòi hỏi, các giải pháp đề ra để hoàn thiện pháp luật về DNXH ở Việt Nam phải phù hợp với các đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội của Việt Nam.

1.2.3. Lý thuyết chi phí giao dịch (Transaction Cost Theory)

Luận án sử dụng lý thuyết chi phí giao dịch để chứng minh tầm quan trọng đặc biệt của việc tiết kiệm chi phí giao dịch đối với DNXH, vì đây là mô hình kinh doanh có chi phí giao dịch cao hơn các doanh nghiệp thông thường. Để giảm được phi phí giao dịch, các chức danh quản lý của DNXH phải hành động đúng bản chất của một doanh nghiệp vì lợi ích của các bên liên quan. Nhà nước khi ban hành một hình thức pháp lý nào đó nhằm thúc đẩy sự phát triển của DNXH cũng phải chú ý đến khía cạnh đảm bảo giảm chi phí giao dịch cho DNXH. Các chính sách liên quan đến hỗ trợ và giám

sát DNXH cũng cần đảm bảo không làm tăng chi phí giao dịch cho DNXH.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Để thực hiện luận án “*Pháp luật về doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam*”, tác giả đặt ra câu hỏi nghiên cứu trọng tâm, đó là: “***Pháp luật về tổ chức và hoạt động của DNXH ở Việt Nam hiện nay hiệu quả như thế nào?***”

Để giải đáp câu hỏi trọng tâm trên, tác giả xác định cần phải trả lời các nhóm câu hỏi nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất, DNXH là gì và cần thỏa các tiêu chí nào?

Thứ hai, DNXH được thành lập theo mô hình nào để đảm bảo hoạt động hiệu quả?

Thứ ba, để DNXH hoạt động hiệu quả, pháp luật cần phải có những biện pháp hỗ trợ và giám sát nào?

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Thông qua việc phân tích, tổng hợp tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về DNXH, chương 1 đã tập trung phân tích và làm rõ các vấn đề chưa được nghiên cứu đầy đủ trước đây, làm cơ sở cho việc chọn lọc nghiên cứu các khoảng trống của pháp luật về DNXH trong các chương tiếp theo. Trên cơ sở đó, luận án sẽ đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về DNXH, nâng cao hiệu quả hoạt động của DNXH, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

CHƯƠNG 2

ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC TIÊU CHÍ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

2.1. Định nghĩa và các tiêu chí của doanh nghiệp xã hội trên thế giới

Tuy có những khó khăn trong định nghĩa DNXH, nhưng nhìn chung, trên phương diện pháp luật, DNXH được định dạng chủ yếu bằng ba cách

như sau¹: i) *Định nghĩa pháp lý* (legal definition) về DNXH. ii) *Định nghĩa hoạt động* (working/operational definition) về DNXH. Loại định nghĩa này rất đa dạng về nguồn và mục đích sử dụng. iii) *Không tồn tại định nghĩa pháp lý hay định nghĩa hoạt động*, thay vào đó, các đặc điểm nhận dạng DNXH được qui định trong hình thức pháp lý của chúng.

2.1.1. Định nghĩa hoạt động và các tiêu chí của DNXH

** Định nghĩa hoạt động và các tiêu chí của DNXH ở châu Âu*

Châu Âu không có một đạo luật về DNXH ở cấp độ khu vực, do đó không có một định nghĩa pháp lý về DNXH cho toàn châu lục, nhưng các định nghĩa hoạt động về DNXH rất phong phú. Đáng chú ý nhất là định nghĩa DNXH của Mạng lưới Nghiên cứu châu Âu (EMES): “*Social enterprises are private organizations which do not operate for profit (not-for-profit) and provide goods or services that are directly related to their explicit goal to work for the benefit of the community. They rely on the collective dynamics created by several types of stakeholders in their governing bodies, and which highly value the autonomy of these enterprises and bear the economic risks associated with their activities*”². Định nghĩa ngắn gọn này đã xác định 9 tiêu chí của một DNXH thuộc “hạng lý tưởng”.

Các tiêu chí trong khái niệm DNXH của EMES được sắp xếp lại thành bộ 3 các tiêu chí về 3 khía cạnh kinh tế, xã hội, quản trị³. Ba tiêu chí về khía cạnh kinh tế của DNXH là: i) *Có hoạt động sản xuất hàng hoá*

¹ Triponel, Anna và Agapitova, Natalia (2017), *Legal Framework for Social Enterprise: Lessons from a Comparative Study of Italy, Malaysia, South Korea, United Kingdom, and United States*. World Bank, Washington, DC, tr. 9. Tham khảo từ <https://openknowledge.worldbank.org/handle/10986/2639>, truy cập ngày 26/8/2019.

² Defourny, Jacques and Nyssens, Marthe (2010), 'Conceptions of Social Enterprise and Social Entrepreneurship in Europe and the United States: Convergences and Divergences', *Journal of Social Entrepreneurship*, 1:1, tr. 32- 53. Tham khảo từ <https://doi.org/10.1108/19420670903442053>.

³ Defourny, Jacques and Nyssens, Marthe (2010), *tdđ số 2*, tr. 35- 42.

và/hoặc cung ứng dịch vụ liên tục; ii) Có mức độ rủi ro kinh tế đáng kể; iii) Có lượng tối thiểu công việc được trả công. Ba tiêu chí về khía cạnh xã hội của DNXH là: i) Có mục đích cụ thể nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng; ii) Là sáng kiến của một nhóm công dân hoặc các tổ chức xã hội dân sự; iii) Phân phối lợi nhuận hạn chế. Ba tiêu chí về khía cạnh quản trị của DNXH là: i) Có mức độ tự chủ cao; ii) Có quyền quyết định không dựa trên sở hữu vốn; iii) Có sự tham gia của nhiều bên bị ảnh hưởng bởi hoạt động của DNXH.

Định nghĩa của EMES đã tạo cơ sở cho châu Âu đưa ra quan điểm về DNXH, thông qua Tổ chức Sáng kiến Kinh doanh Xã hội (SBI) của Ủy ban châu Âu (EC): "DNXH là một nhà điều hành trong nền kinh tế xã hội mà mục tiêu chính là tạo tác động xã hội hơn là tạo ra lợi nhuận cho chủ sở hữu hoặc cổ đông. DNXH hoạt động bằng cách cung cấp hàng hoá và dịch vụ cho thị trường trong một mô hình kinh doanh và sáng tạo và sử dụng lợi nhuận chủ yếu để đạt được các mục tiêu xã hội. Nó được quản lý một cách cởi mở và có trách nhiệm, và đặc biệt là liên quan đến nhân viên, người tiêu dùng và các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thương mại của nó". Định nghĩa của SBI cũng kết hợp ba khía cạnh chính của một DNXH: kinh doanh, xã hội và quản trị với các tiêu chí cốt lõi gồm⁴: i) Tham gia vào hoạt động kinh tế liên tục nhằm sản xuất và/hoặc trao đổi hàng hóa và/hoặc dịch vụ; ii) Theo đuổi mục tiêu xã hội rõ ràng và chính yếu mang lại lợi ích cho xã hội; iii) Hạn chế phân phối lợi nhuận và/hoặc tài sản để ưu tiên cho mục tiêu xã hội hơn là tạo ra lợi nhuận; iv) Độc lập, tự chủ với Nhà nước và các tổ chức lợi nhuận truyền thống khác; và v) Quản trị toàn diện, đặc trưng bởi các quá trình ra quyết định có sự tham gia và/hoặc dân chủ. Định nghĩa

⁴ European Commission (2015), *A map of social enterprise and their eco-systems in Europe - Synthesis Report*.

này đã ảnh hưởng đến hoạt động lập pháp về DNXH của nhiều nước ở châu Âu.

Như vậy, định nghĩa của EMES và SBI đều tương đồng ở một mức độ lớn: hiển thị cả ba khía cạnh kinh doanh, xã hội và quản trị cùng một lúc. Cả hai định nghĩa đều đòi hỏi hạn chế phân phối lợi nhuận và không ràng buộc hình thức pháp lý cụ thể của DNXH.

** Định nghĩa hoạt động và các tiêu chí của DNXH ở Vương quốc Anh*

Anh có nhiều định nghĩa hoạt động về DNXH, do Chính phủ đưa ra hoặc các Bộ đề xuất. Định nghĩa hoạt động được Chính phủ Anh đưa ra vào năm 2002, theo đó “*DNXH là một mô hình kinh doanh được thành lập nhằm thực hiện các mục tiêu xã hội trước tiên, và sử dụng lợi nhuận chủ yếu để tái đầu tư cho mục tiêu đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và chủ sở hữu*”⁵. Định nghĩa này đồng quan điểm chung với định nghĩa EMES về khía cạnh kinh tế và xã hội của DNXH, nhưng không đề cập đến khía cạnh quản trị như EMES.

Giữa năm 2005, Quốc hội Anh đã ban hành Quy chế về “Công ty Lợi ích Cộng đồng (CIC)”. Mô hình CIC thể hiện các tiêu chí quan trọng của DNXH theo quan điểm của Quốc hội Vương quốc Anh là⁶: *i) Một công ty có thương hiệu rõ ràng; ii) Thực hiện kinh doanh vì lợi ích của cộng đồng; iii) Nhiệm vụ chung của giám đốc được chia sẻ với mục đích cộng đồng và nhà đầu tư; iv) Là chủ thể của chế độ khóa tài sản (tài sản của nó được bảo vệ hợp pháp và được giữ lại vĩnh viễn cho lợi ích cộng đồng); v) Chịu sự giám sát của Cơ quan quản lý CIC (CIC Regulator) để duy trì niềm tin vào*

⁵Department of Trade and Industry (2002), *The Report Social Enterprise: A strategy for success*, tr.7. Tham khảo từ:

https://webarchive.nationalarchives.gov.uk/20070101085544/http://www.cabinetoffice.gov.uk/third_sector/documents/social_enterprise/se_strategy_2002.pdf, truy cập ngày 1/8/2019.

⁶ Department for Business, Innovation & Skills (2016), *Office of the Regulator of Community Interest Companies: Information and guidance notes*.

thương hiệu CIC; vi) Minh bạch về cách thức thực hiện mục đích cộng đồng của mình. Các đặc điểm này thể hiện sự nhất quán của CIC trong tiếp nối định nghĩa năm 2002 và được quy định chi tiết hơn. Ngoài các tiêu chí thể hiện khía cạnh kinh tế và khía cạnh xã hội, khía cạnh về quản trị cũng được thể hiện qua tiêu chí yêu cầu về tính minh bạch trong hoạt động và được tiếp cận linh hoạt qua các quy định cụ thể của CIC, trở thành một mô hình DNXH độc đáo và sáng tạo.

2.1.2. Định nghĩa pháp lý và các tiêu chí của DNXH

i) Định nghĩa pháp lý và các tiêu chí của DNXH ở Ý

Ý đã có một định nghĩa pháp lý về DNXH từ năm 2006 trong Nghị định lập pháp số 155 ngày 24 tháng 3 năm 2006 (gọi tắt là Luật số 155/2006, được ban hành nhằm sửa đổi Luật số 118 ngày 13 tháng 6 năm 2005) như sau: *“Tất cả các tổ chức tư nhân, bao gồm cả những tổ chức được điều chỉnh bởi Quyển thứ năm của Bộ luật Dân sự, thực hiện một cách ổn định và chính yếu các hoạt động kinh tế và tổ chức nhằm mục đích sản xuất hoặc trao đổi hàng hóa và các dịch vụ tiện ích xã hội vì lợi ích chung và đáp ứng các yêu cầu của Điều 2, 3 và 4, có thể được coi là DNXH (Điều 1 đoạn 1). Các thành phần của định nghĩa pháp lý này là: DNXH là: i) một tổ chức tư nhân, không thể hoặc được kiểm soát bởi một thực thể công cộng, không thể là một doanh nghiệp cá nhân. ii) thực hiện một hoạt động kinh doanh sản xuất hàng hóa và dịch vụ tiện ích xã hội. Thu nhập từ hoạt động này phải đạt ít nhất 70% tổng thu nhập của tổ chức. iii) hoạt động vì lợi ích chung chứ không phải vì lợi nhuận. Thu nhập không được phân phối cho chủ sở hữu, và phải được đầu tư vào DNXH hoặc làm tăng tài sản của DNXH.*

Khắc phục những hạn chế của Luật số 155/2006, Nghị định lập pháp số 112 ngày 3 tháng 7 năm 2017 đã thông qua một số định nghĩa mới cho "DNXH". Theo quy định tại Điều 1 của đạo luật này, "DNXH" *“là bất kỳ tổ chức nào (bất kể hình thức pháp lý - có thể là một hiệp hội hoặc quỹ từ thiện,*

một HTX và thậm chí là một công ty thương mại) thực hiện hoạt động thương mại để theo đuổi, chủ yếu và vĩnh viễn, “các mục tiêu công dân, đoàn kết hoặc tiện ích xã hội”. Nghị định lập pháp mới số 112 cũng đã sửa tiêu chí “cấm phân phối hoàn toàn lợi nhuận” thành cho phép phân bổ một phần lợi nhuận.

ii) Định nghĩa pháp lý và các tiêu chí của DNXH ở Hàn Quốc

Định nghĩa pháp lý về DNXH của Hàn Quốc được thể hiện trong Luật Khuyến khích DNXH (Social Enterprise Promotion Act- SEPA) từ năm 2007. Điều 2 của SEPA định nghĩa DNXH là “*một doanh nghiệp được chứng nhận theo Điều 7 với tư cách là một doanh nghiệp theo đuổi mục tiêu xã hội, như nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương, v.v. cung cấp cho các nhóm dễ bị tổn thương các dịch vụ xã hội hoặc việc làm trong khi tiến hành các hoạt động kinh doanh, như sản xuất và bán hàng hóa và dịch vụ...*”. Các tiêu chí cốt lõi của một DNXH Hàn Quốc là: *i) Theo đuổi mục tiêu xã hội (ví dụ: nâng cao lối sống của cư dân địa phương. ii) Cung cấp cho các nhóm dễ bị tổn thương các dịch vụ xã hội hoặc công việc hoặc đóng góp cho cộng đồng địa phương. iii) Sử dụng lao động được trả lương và tiến hành các hoạt động kinh doanh. iv) Đảm bảo rằng hai phần ba lợi nhuận (đối với DNXH được phân phối) được chi cho các mục tiêu xã hội. v) Sử dụng cấu trúc ra quyết định có sự tham gia. vi) Đáp ứng các yêu cầu cụ thể về doanh thu tối thiểu, nội dung của các điều lệ của công ty, báo cáo và phân phối tài sản. vii) Được Bộ Lao động và Việc làm chứng nhận là DNXH.*

2.1.3. Cách tiếp cận không có định nghĩa về DNXH

Tuy không có “định nghĩa pháp lý” hoặc “định nghĩa điều hành” về DNXH, nhưng cách tiếp cận liên quan đến mô hình kinh doanh hướng đến lợi ích xã hội, môi trường, từ thiện ở Mỹ được “bù đắp” bằng những cải cách pháp lý mạnh mẽ đối với các đạo luật về công ty TNHH và CTCP ở nhiều bang để cho ra đời các hình thức pháp lý mới cho DNXH. Dù các thành phần

cụ thể của từng hình thức sẽ thay đổi tùy theo từng bang, nhưng các tiêu chí chung hiện diện trong các hình thức pháp lý của DNXH Mỹ, gồm: (i) *theo đuổi một mục đích xã hội*, (ii) *các nhà quản lý cần xem xét mục đích xã hội khi thực hiện nhiệm vụ của mình* và (iii) *cung cấp báo cáo cho các cổ đông và /hoặc công chúng để đánh giá mức độ thành công của công ty trong việc đạt được mục đích xã hội*. Các tiêu chí này thể hiện ở các mô hình DNXH mới nổi như L3C, BC, SPC, FPC ở các bang của Mỹ.

2.1.4. Nhận xét về các cách tiếp cận của thế giới khi định nghĩa về DNXH

Các cách tiếp cận để định dạng DNXH nêu trên, dù có định nghĩa hay không có định nghĩa (mà thông qua hình thức pháp lý) về DNXH, đều có một điểm chung là phản ánh các tiêu chí của DNXH ở các khía cạnh: kinh tế, xã hội và/hoặc quản trị, ở các mức độ rộng hẹp khác nhau. Một số nhược điểm của việc không có định nghĩa (pháp lý hoặc hoạt động) có thể được khắc phục bằng cách tạo ra các hình thức pháp lý cho DNXH. Ngược lại, các đặc điểm của DNXH thể hiện trong hình thức pháp lý của DNXH phản ánh quan điểm lập pháp của quốc gia đó về nội hàm của định nghĩa về DNXH. Định nghĩa về DNXH không bất biến mà có thể được điều chỉnh cho phù hợp với các hình thức tồn tại của DNXH, đáp ứng mong đợi của các nhà đầu tư. Tương tự, sự ra đời của các hình thức pháp lý mới cho DNXH góp phần hoàn thiện định nghĩa về DNXH trong pháp luật.

2.2. Định nghĩa và các tiêu chí của DNXH ở Việt Nam

2.2.1. Trước khi có Luật Doanh nghiệp 2014

Trước khi có LDN 2014, ở Việt Nam chỉ có định nghĩa hoạt động, chứ không có định nghĩa pháp lý về DNXH. Ở Việt Nam thời điểm đó, DNXH là một “*khái niệm kinh tế, được sử dụng để chỉ nhóm các tổ chức (doanh nghiệp và không phải doanh nghiệp) hoạt động vì mục tiêu xã hội, môi*

trường, vì lợi ích cộng đồng”⁷. Vì chưa được luật hóa cho nên những “DNXH” tồn tại dưới hình thức khác nhau thì chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau vào thời điểm hoạt động.

2.2.2. Từ khi có Luật Doanh nghiệp 2014

Ngày 26/11/2014, LDN sửa đổi được Quốc hội thông qua với đa số phiếu tán thành đã thừa nhận DNXH. Theo đó, DNXH: *i) Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này; ii) Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; iii) Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký (Điều 10)*. Các tiêu chí này tiếp tục được giữ nguyên trong LDN 2020. Đặc biệt, Nghị định 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn LDN 2020 đã trực tiếp đưa ra một định nghĩa về DNXH: “*DNXH là doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí được quy định tại khoản 1 Điều 10 LDN*”. Bên cạnh một định nghĩa pháp lý, ở Việt Nam, trong thực tiễn vẫn tồn tại song song các định nghĩa về DNXH; các tiêu chí trong hai loại định nghĩa này chưa đồng nhất với nhau, đặt ra các nhu cầu nghiên cứu về pháp lý.

2.2.3. Đánh giá định nghĩa và các tiêu chí của DNXH ở Việt Nam và kiến nghị

2.2.3.1. Đánh giá định nghĩa và các tiêu chí của DNXH ở Việt Nam

Các tiêu chí của DNXH	Trong định nghĩa hoạt động		Trong định nghĩa pháp lý			Trong hình thức pháp lý
	Ủy ban Châu Âu	Vương quốc Anh	Ý	Hàn Quốc	LDN 2020	Mỹ

⁷ Nguyễn Thị Dung (2017), “Đánh giá khả năng thực thi pháp luật hiện hành về DNXH ở Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 1/2017, tr. 12-20.

Không phân biệt hình thức pháp lý	✓	✓	✓	✓ Có một danh sách rộng xác định trước hình thức pháp lý	X Phải là doanh nghiệp	✓
Để thực hiện một mục đích cụ thể	✓	✓ Mang lợi ích cho các mục tiêu xã hội và/ hoặc môi trường	✓ Xác định cụ thể các hoạt động được thực hiện, trừ khi DNXH sử dụng một tỷ lệ nhất định lao động kém may mắn	✓ Cung cấp cho các nhóm dễ bị tổn thương dịch vụ xã hội hoặc công việc hoặc đóng góp cho cộng đồng địa phương	✓	✓
Mức lợi nhuận tối thiểu phải phân phối cho mục tiêu xã hội	✓	✓ 50%	✓	✓ 33%	✓	X
Hoạt động kinh tế	✓ 70% doanh thu phải từ hoạt động kinh tế	✓ 75% doanh thu phải từ hoạt động kinh tế	✓	✓ Sử dụng lao động được trả lương và tiến hành các hoạt động kinh doanh	✓	✓
Quản trị có sự tham gia của các bên liên quan	✓	✓ Không thể hiện trong định nghĩa điều hành nhưng là những tiêu chí của CIC	✓	✓	X	✓
Khóa tài sản (trong một số trường hợp)	✓		✓	✓	✓	✓
Minh bạch hoạt động	✓		✓	✓	✓	✓

Nguồn: tác giả tham khảo và tổng hợp.

Từ bảng tổng hợp trên cho thấy, các định nghĩa đều trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và quản trị của DNXH (chỉ Việt

Nam hoàn toàn không đề cập đến khía cạnh quản trị). Các tiêu chí thể hiện bản chất cơ bản của DNXH đều được thể hiện rõ trong tất cả các định nghĩa, đó là: tiến hành *hoạt động kinh tế*; (để) thực hiện *một mục tiêu xã hội cụ thể*. Ngoài ra, hai tiêu chí khác là *khoá tài sản* và *minh bạch trong hoạt động* cũng đạt được sự đồng thuận cao. Tuy nhiên, ở các tiêu chí còn lại, trong khi hầu hết các định nghĩa đều quy định, thì cá biệt có nước không theo xu hướng này. Cụ thể, pháp luật Mỹ không bắt buộc DNXH tuân thủ tiêu chí *hạn chế phân phối lợi nhuận*, LDN 2020 Việt Nam không áp dụng hai tiêu chí là *không phân biệt hình thức pháp lý* và *quản trị có sự tham gia của các bên liên quan*.

2.2.3.2. Kiến nghị nhằm hoàn thiện định nghĩa và tiêu chí của DNXH ở Việt Nam

Thứ nhất: hoàn thiện cách tiếp cận của pháp luật về định dạng DNXH

Đối với Việt Nam, tác giả cho rằng, cần có cả hai mô hình: định nghĩa về DNXH và hình thức pháp lý cho DNXH. Kiến nghị này xuất phát từ các lý do sau: i) Trong bối cảnh chưa có một định nghĩa chung được chấp nhận trên toàn cầu thì việc mong muốn có một định nghĩa hoàn hảo về DNXH ở Việt Nam là điều không dễ dàng. Do đó, ở Việt Nam, định nghĩa về DNXH cần đóng vai trò mô tả bản chất và tiêu chí nhận diện của DNXH. Còn những vấn đề cụ thể khác (như cơ chế quản trị,...) sẽ được làm rõ bằng các hình thức pháp lý của chúng. ii) Định nghĩa và hình thức pháp lý có mối quan hệ khăng khít với nhau, hỗ trợ và phụ thuộc nhau.

Thứ hai: mở rộng tiêu chí về hình thức pháp lý của DNXH

DNXH là mô hình kinh doanh nhằm tạo ra một xã hội tốt đẹp hơn, cho nên rất cần được nhân rộng và lan tỏa, xuất phát từ lợi ích của xã hội, Nhà nước và doanh nhân. Mặt khác, căn cứ vào các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam thì ngoài doanh nghiệp, vẫn còn những mô hình pháp lý

khác thỏa mãn các điều kiện để trở thành DNXH theo quan niệm chung của thế giới như HTX, quỹ xã hội, quỹ từ thiện...

Thứ ba: bổ sung các tiêu chí thuộc khía cạnh quản trị của DNXH vào pháp luật

Quản trị dân chủ có sự tham gia của các bên liên quan cần được khuyến khích thực hiện, bắt đầu từ định nghĩa pháp lý về DNXH và được triển khai trong các điều luật khác của đạo luật về DNXH.

Thứ tư: đưa ra một định nghĩa pháp lý cơ bản về DNXH

Luận án đề xuất định nghĩa pháp lý về DNXH của Việt Nam như sau: “*DNXH là những tổ chức tư, hoạt động theo Luật này, Luật Hợp tác xã hoặc các Luật khác có liên quan, vận dụng tinh thần doanh nhân nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng một cách trách nhiệm và bền vững; phần lớn lợi nhuận được tái đầu tư nhằm thực hiện các mục tiêu đã đăng ký, hướng đến mô hình lý tưởng với quản trị dân chủ vì lợi ích của các bên liên quan*”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Định nghĩa và tiêu chí của DNXH là những vấn đề lý luận cơ bản và phức tạp và là một chủ đề tranh luận chưa có hồi kết. Trong khó khăn chung đó, chương 2 đã hệ thống hóa các cuộc tranh luận về vấn đề này ở một số quốc gia/châu lục tiêu biểu có phong trào DNXH sớm và mạnh mẽ nhất (gồm châu Âu, Anh, Ý, Mỹ và Hàn Quốc). Chương 2 đã thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đánh giá qui định của pháp luật Việt Nam về định nghĩa và tiêu chí của DNXH, trong mối quan hệ với nhận thức chung của thế giới. Từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về định nghĩa và tiêu chí của DNXH ở Việt Nam.

CHƯƠNG 3

HÌNH THỨC PHÁP LÝ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

3.1. Khái quát về hình thức pháp lý của DNXH

Trong kinh doanh, và trong hầu hết các lĩnh vực, phương thức hoạt động của một tổ chức thường được công nhận và/hoặc được quy định bởi pháp luật. Các chế độ tổ chức chính thức như vậy là các hình thức pháp lý cho tổ chức. Các hình thức (hoặc cấu trúc) pháp lý của DNXH đề cập đến cách thức mà một thực thể thực hiện các hoạt động của DNXH⁸. Nhiều hình thức khác nhau có thể được sử dụng để tiến hành các hoạt động của DNXH. Các hình thức này thường được pháp luật quy định và bao gồm cả các hình thức pháp lý vì lợi nhuận và phi lợi nhuận. Tuy nhiên, các hình thức pháp lý truyền thống chỉ đáp ứng được một phần so với nhu cầu của DNXH. Vì vậy, một số quốc gia đã chọn tạo ra các hình thức pháp lý mới cho DNXH. Điều này không loại bỏ khả năng tiếp tục sử dụng các hình thức pháp lý truyền thống, nhưng thêm một số lựa chọn cho người sáng lập DNXH.

Hình thức pháp lý đóng nhiều vai trò quan trọng đối với DNXH. Đầu tiên, nó giúp giảm chi phí giao dịch của DNXH. Tiếp theo, hình thức pháp lý của DNXH giúp các cơ quan chức năng thiết kế các chính sách công cụ thể, phù hợp với DNXH, bảo vệ các bên liên quan khác nhau của DNXH. Thêm nữa, hình thức pháp lý thiết lập ranh giới rõ ràng hơn giữa DNXH và các khái niệm khác, như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

3.2. Các loại hình thức pháp lý của DNXH

Kể từ khi pháp luật về DNXH đầu tiên⁹ xuất hiện vào những năm 1990 ở châu Âu, mô hình lập pháp về DNXH ở các quốc gia rất đa dạng và thường được phân thành hai loại chính là: *i*) thừa nhận và qui định DNXH dưới một loại hình thức pháp lý cụ thể; và: *ii*) thừa nhận và qui định DNXH

⁸ Triponel, Anna và Agapitova, Natalia (2017), tld số 1, tr.9.

⁹ Luật số 381 năm 1991 của Ý về HTX xã hội thường được coi là nền tảng của pháp luật về DNXH ở châu Âu.

không cần tồn tại dưới một loại hình thức pháp lý cụ thể mà chỉ cần đáp ứng một số yêu cầu chung.

3.2.1. Doanh nghiệp xã hội dưới hình thức pháp lý cụ thể

** Doanh nghiệp xã hội dưới hình thức hợp tác xã (trường hợp HTXXH ở Ý)*

Với những ưu thế riêng, HTX được pháp luật thừa nhận là chủ thể đặt sứ mệnh xã hội lên trên lợi nhuận, nhất là khi HTX theo đuổi mục đích lợi ích chung của cộng đồng (không chỉ là lợi ích kinh tế của các thành viên) bằng cách hoạt động như một doanh nghiệp. Ngoài ra, HTX có cơ chế quản trị có sự tham gia và dân chủ thực sự, cùng với sự hạn chế về phân phối lợi nhuận. Tất cả những đặc điểm này giúp cho HTX đạt được bản sắc đặc biệt của một DNXH; từ đó theo đuổi hiệu quả các mục tiêu xã hội theo luật định và đạt được những lợi ích cuối cùng.

** Doanh nghiệp xã hội dưới hình thức công ty (trường hợp CIC ở Anh và BC ở Mỹ)*

DNXH dưới hình thức công ty là một loại hình tổ chức có bản sắc của DNXH mờ nhạt và nhiều yếu tố rủi ro hơn HTX. Pháp luật về DNXH cần có các quy định về quyền sở hữu và quản lý, nhằm ngăn ngừa nguy cơ DNXH bị kiểm soát bởi thành viên/cổ đông thiểu số cho mục đích vì lợi nhuận, hoặc sử dụng nhãn hiệu DNXH cho mục đích khuyếch trương trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Mô hình công ty CIC và BC đã có những giải pháp mang lại thành công nhất định cho các vấn đề này.

3.2.2. Doanh nghiệp xã hội dưới hình thức pháp lý “mở” (trường hợp Luật DNXH của Ý)

Trong cách tiếp cận này, quan điểm nổi bật là DNXH không phải là một hình thức pháp lý mới, cũng không phải một loại hình tổ chức mới, mà là bao gồm tất cả các tổ chức thỏa mãn các điều kiện, không phân biệt cơ cấu tổ chức nội bộ. Do đó, về lý thuyết, các tổ chức đủ điều kiện trở thành

DNXH có thể là HTX, công ty, tổ chức phi lợi nhuận. Cách tiếp cận này cho phép tất cả chủ thể không phân biệt hình thức pháp lý, nếu đáp ứng đủ các điều kiện nhất định thì trở thành DNXH, dù có sự khác biệt nhất định về phạm vi áp dụng.

3.4. Đánh giá hình thức pháp lý của DNXH Việt Nam và kiến nghị

3.4.1. Đánh giá hình thức pháp lý của DNXH Việt Nam

Thứ nhất, về cách tiếp cận của pháp luật Việt Nam đối với hình thức của DNXH, các nhà làm luật đã chọn mô hình lập pháp “mở” nhưng không phải là mô hình “mở” hoàn toàn: DNXH Việt phải là doanh nghiệp.

Thứ hai, các quy định về quản trị của DNXH không có gì khác so với doanh nghiệp thông thường, các chức danh quản lý của DNXH cũng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của một thực thể vì lợi nhuận¹⁰.

3.4.2. Kiến nghị hoàn thiện hình thức pháp lý của DNXH ở Việt Nam

Thứ nhất: xây dựng một đạo luật riêng cho DNXH với cách tiếp cận “mở” về hình thức pháp lý cho DNXH

Đạo luật về DNXH của Việt Nam cần có các điều khoản quy định về các vấn đề cơ bản sau đây: định nghĩa DNXH và giải thích rõ các vấn đề liên quan đến định nghĩa này; xác định rõ mục tiêu xã hội của DNXH; chính sách phát triển DNXH của Nhà nước; các nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của DNXH.

Thứ hai, nghiên cứu thiết kế một cấu trúc pháp lý bậc cao cho DNXH Việt Nam

Thực tiễn đã cho thấy, ở một số nước có phong trào DNXH phát triển mạnh là nhờ tạo ra được những cú hích pháp lý- ban hành một mô hình riêng biệt dành cho DNXH. Trên cơ sở học hỏi từ các loại hình DNXH đặc thù

¹⁰ Tô Thị Đông Hà (2020), “Hình thức pháp lý của DNXH: Trường hợp công ty lợi ích Hoa Kỳ và kinh nghiệm sửa đổi LDN cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 2/2020, tr. 55.

của Anh và Mỹ, theo tác giả, hình thức pháp lý được thiết kế riêng cho DNXH Việt Nam cần: là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (để độc lập và tự chủ), chịu trách nhiệm hữu hạn (để chống lại rủi ro), có khả năng thu hút các nguồn tài chính bên ngoài (để phát triển bền vững)

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã bắt đầu nhiệm vụ bằng các khái niệm liên quan đến hình thức pháp lý và giải thích tầm quan trọng của nó đối với DNXH. Chương này cũng đã phân tích, đánh giá, so sánh các hình thức pháp lý của DNXH trên thế giới gồm: HTX, công ty và hình thức mở, trong đó, hình thức mở có nhiều ưu điểm hơn. Tác giả cho rằng, pháp luật Việt Nam không nên giới hạn hình thức của DNXH trong các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời, cần nghiên cứu thiết kế một hình thức pháp lý đặc thù cho DNXH, để kích thích mạnh mẽ sự tăng trưởng của khu vực này - điều mà một số quốc gia đã thành công.

CHƯƠNG 4

PHÁP LUẬT VỀ HỖ TRỢ VÀ GIÁM SÁT DOANH NGHIỆP XÃ HỘI

4.1. Pháp luật về hỗ trợ DNXH

4.1.1. Những rào cản đối với sự phát triển của DNXH

Các rào cản này phụ thuộc vào bối cảnh cụ thể của từng quốc gia, và thường liên quan đến các khía cạnh sau¹¹: hiểu biết kém về DNXH; thiếu các dịch vụ và hỗ trợ DNXH phát triển kinh doanh chuyên nghiệp, thiếu khung pháp lý hỗ trợ, hạn chế trong tiếp cận thị trường, trong tiếp cận tài chính; sự vắng mặt của các cơ chế phổ biến để đo lường và chứng minh tác động xã hội của DNXH; môi trường kinh tế khó khăn chung hiện nay; sự tồn tại và phát triển của DNXH cũng bị hạn chế bởi các yếu tố nội bộ...

¹¹ European Commission (2015), tidd số 4, tr. 25 - 26.

4.1.2. Pháp luật về hỗ trợ cho DNXH của Ý, Anh, Mỹ

Theo quan điểm chung, để xóa bỏ những rào cản đối với DNXH, cần xây dựng một “hệ sinh thái cho DNXH. Pháp luật các nước Ý, Anh, Mỹ đã có những quy định cụ thể để hỗ trợ DNXH.

4.1.3. Liên hệ với pháp luật về hỗ trợ DNXH ở Việt Nam và kiến nghị

DNXH không có một khung chính sách quốc gia riêng mà được áp dụng khung chính sách chung dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bị hạn chế hoặc được hưởng ưu đãi nhất định phụ thuộc vào điều kiện, lĩnh vực hoạt động của DNXH đó (như dịch vụ công cộng, bảo vệ môi trường, đầu tư vào khu vực miền núi hoặc các nhóm dễ bị tổn thương)¹².

Kiến nghị thứ nhất, xây dựng một chiến lược quốc gia nhất quán nhằm phát triển DNXH.

Kiến nghị thứ hai, xác định rõ các hỗ trợ và ưu đãi dành riêng cho DNXH.

Kiến nghị thứ ba, thành lập một cơ quan nhà nước chuyên trách về DNXH.

4.2. Pháp luật về giám sát DNXH

4.2.1. Giám sát khía cạnh kinh doanh của DNXH

** Giám sát thông qua ràng buộc hạn chế phân phối*

Trừ Mỹ, hầu hết các nước có khung pháp lý về DNXH đều quy định hai loại ràng buộc về phân phối tài sản là: i) cấm phân phối toàn bộ lợi nhuận và nguồn lực khác cho các thành viên hoặc/và giám đốc, nhân viên, tài chính; ii) cho phép phân phối một phần các tài nguyên này cho mục đích dự trữ hoặc, tài trợ cho các hoạt động mang lại lợi ích xã hội (hoặc cho các tổ chức theo đuổi mục đích xã hội). Trong đó, hạn chế phân phối một phần lợi nhuận

¹² Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2020), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học cấp quốc gia “Vai trò của khu vực DNXH với phát triển xã hội”*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 8/2020. ISBN: 9786043014440, tr. 10.

là một công cụ quan trọng cho sự bền vững và tăng trưởng của mô hình này, góp phần hạn chế hoặc loại trừ sự phụ thuộc của DNXH vào trợ cấp công, đồng thời thúc đẩy khả năng đầu tư sáng tạo của DNXH để cạnh tranh trên thị trường.

** Giám sát thông qua chế độ “khóa tài sản”*

**** Liên hệ với pháp luật về giám sát khía cạnh kinh doanh của DNXH ở Việt Nam và kiến nghị***

Kiến nghị: nâng tỉ lệ lợi nhuận mà DNXH được phân phối, có cơ chế và công cụ để giám sát DNXH phân chia lợi nhuận. Mức lợi nhuận tối thiểu mà DNXH phải giữ lại theo LDN 2014 (51%) là khá cao so với các nước, có thể làm chùn bước các DNhXH trong việc thành lập DNXH. Để giám sát hạn chế phân phối lợi nhuận của DNXH cần có những quy định nhằm không tập trung quyền lực vào các nhà đầu tư, nghĩa là tiệm cận với nguyên tắc “không xung đột lợi ích”.

4.2.2. Giám sát khía cạnh xã hội của DNXH

Để xác định mục tiêu xã hội của DNXH, các hệ thống pháp luật thường sử dụng ba cách tiếp cận chính: i) lĩnh vực mà DNXH hoạt động; ii) người thụ hưởng; iii) kết quả của hoạt động DNXH dự định đạt được. Mỗi cách tiếp cận này bộc lộ một số hạn chế nhất định. Mặt khác, cả EMES, pháp luật Anh và Mỹ đều tập trung qui định và/hoặc giải thích thuật ngữ “cộng đồng”, “phần của cộng đồng” hoặc “lợi ích cộng đồng chung” nhằm chế ngự các hành động làm sai lệch mục tiêu xã hội của DNXH.

**** Liên hệ với pháp luật về mục tiêu của DNXH ở Việt Nam và kiến nghị***

Kiến nghị: bổ sung khái niệm “cộng đồng” trong lĩnh vực DNXH và tiêu chuẩn đánh giá Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.

Pháp luật Việt Nam có thể đưa ra khái niệm liên quan đến cộng đồng như sau: “*Cộng đồng là toàn thể những người cùng sống, có những điểm*

giống nhau gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội hoặc có cùng mối quan tâm về xã hội, môi trường hoặc khía cạnh xã hội khác”. “Một phần của cộng đồng là một nhóm các cá nhân có chung một đặc điểm nhận dạng hợp pháp; và các thành viên khác của cộng đồng mà nhóm đó tạo thành một phần khác của cộng đồng không có chung đặc điểm đó”.

4.2.3. Giám sát khía cạnh quản trị của DNXH

** Giám sát quyền của các bên liên quan*

Người thụ hưởng là đối tượng đầu tiên được pháp luật các nước xác định là bên liên quan. Trong mỗi quan hệ với khu vực công, nhiều nước có xu hướng quy định DNXH phải độc lập với quyền lực và tài chính công. Vấn đề thứ ba mà pháp luật về các bên liên quan thường đề cập là xác định thành viên. Ngoài ra, pháp luật các nước thường ghi nhận một số quyền có lợi cho các bên liên quan, kể cả họ không phải là thành viên; nhưng cách tiếp cận khác nhau và mức độ quyền cũng khác nhau, đặc biệt là sự cân bằng đa dạng giữa quản trị thành viên và quản trị phi thành viên, phân biệt giữa quyền tham gia và quyền kiểm soát.

** Liên hệ với pháp luật về giám sát DNXH ở Việt Nam và kiến nghị*

Kiến nghị: xác định các bên liên quan, quy định quyền của các bên liên quan, nghĩa vụ tôn trọng tôn trọng lợi ích của các bên liên quan của các nhà quản lý.

Quản trị có sự tham gia và kiểm soát của các bên liên quan là một phần của sứ mệnh xã hội, chứ không đơn thuần chỉ là công cụ để đạt được hiệu quả. Khác với các cách tiếp cận của EMES, Ủy ban châu Âu...khía cạnh quản trị của DNXH Việt Nam không được đề cập đến trong định nghĩa, tiêu chí về DNXH mà để cho hình thức pháp lý của DNXH chi phối. Tuy nhiên, các quy định về hình thức pháp lý của DNXH cho thấy quản trị DNXH trong không khác gì so với doanh nghiệp thông thường.

** Giám sát vấn đề trách nhiệm và minh bạch*

Mặc dù với các mức độ thực thi khác nhau, hầu hết các hệ thống pháp luật đều bắt buộc các DNXH phải ban hành Bản báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu xã hội hàng năm, dù với các tên gọi khác nhau (như “Social Balance Sheet” ở Châu Âu hoặc “Annual Benefit Report” ở Mỹ). Một số hệ thống pháp luật dựa vào tiêu chuẩn của bên thứ ba độc lập (Mỹ) hoặc tiêu chuẩn do cơ quan công quyền quy định (như Bài kiểm tra lợi ích cộng đồng ở Anh).

**** Liên hệ với pháp luật về giám sát khía cạnh xã hội của DNXH ở Việt Nam và kiến nghị***

DNXH Việt Nam được yêu cầu trong hoạt động và quản trị phải đảm bảo mức độ minh bạch và trách nhiệm cao hơn so với các doanh nghiệp vì lợi nhuận. Tuy nhiên đi vào từng vấn đề cụ thể, chúng tôi nhận thấy vẫn còn những bất cập cần khắc phục với kiến nghị như sau:

**** Về trách nhiệm quản lý trong pháp luật về DNXH Việt Nam***

Kiến nghị: qui định tách bạch mục đích của DNXH với mục đích của doanh nghiệp thông thường. Điều này được thực hiện bằng cách ban hành một đạo luật riêng để điều chỉnh DNXH. Một trong những nhiệm vụ của đạo luật này là tuyên bố mục đích của DNXH và đảm bảo mục đích đó của công ty là nhằm bảo vệ lợi ích của các bên liên quan, kể cả cổ đông/thành viên/chủ sở hữu. Còn mục đích của các doanh nghiệp thông thường được điều chỉnh bởi LDN là bảo vệ cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và làm giàu cho họ.

**** Về nghĩa vụ báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của DNXH Việt Nam***

Thứ nhất: buộc tất cả các DNXH phải thực hiện nghĩa vụ nộp Báo cáo kết quả hoạt động

Thứ hai: cần quy định cụ thể các yêu cầu về nội dung, thời gian nộp Báo cáo kết quả hoạt động của DNXH

Thứ ba: ban hành nguyên tắc, tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả hoạt động của DNXH

Thứ tư: cần quy định các chế tài cụ thể đối với các vi phạm pháp luật của DNXH

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Trên cơ sở chỉ ra các rào cản mà DNXH hiện đang đối mặt và các yếu tố thuộc hệ sinh thái của DNXH, chương 4 đã liên hệ với thực trạng pháp luật Việt Nam về hỗ trợ DNXH và đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực này. Phần tiếp theo của chương 4 đã khám phá kinh nghiệm của một số nước trong việc giám sát ba khía cạnh: kinh tế, xã hội và quản trị của DNXH. Sau đó, luận án đã đề xuất một số giải pháp khắc phục những bất cập của pháp luật Việt Nam về giám sát DNXH.

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, trước những thách thức to lớn về môi trường và xã hội, phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu phấn đấu của nhiều quốc gia và doanh nghiệp. Ngày càng nhiều doanh nghiệp nhận ra rằng đầu tư vào bảo vệ môi trường và tạo tác động xã hội không chỉ là hành động thiện nguyện mà còn là cơ hội kinh doanh tốt, nổi bật trong số đó là DNXH.

DNXH đặt sứ mệnh xã hội lên trên mục tiêu lợi nhuận đã và đang tạo ra tác động trực tiếp và lâu dài tới cộng đồng xung quanh. DNXH được dự báo là xu hướng kinh doanh của thế kỷ 21. Tuy nhiên, DNXH trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang đối diện với nhiều rào cản cho sự phát triển. Do đó, hoàn thiện pháp luật về DNXH ở nước ta hiện nay là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu khoa học pháp lý. Luận án đã lý giải được nhiều nội dung phức tạp liên quan đến khái niệm, tiêu chí, hình thức pháp lý của DNXH, chế độ hỗ trợ và giám sát DNXH. Các kết quả nghiên cứu của luận án được thể hiện thông qua những phát hiện chính sau đây:

Thứ nhất, có nhiều cách định nghĩa DNXH, mỗi cách có những ưu và khuyết điểm riêng; song thế giới chưa có sự đồng thuận cho một khái niệm chung về DNXH. Tuy vậy, các quan điểm đều thống nhất rằng, DNXH khác biệt với doanh nghiệp truyền thống vì đặt giá trị xã hội lên trên giá trị tài chính. DNXH cũng không giống tổ chức từ thiện vì sứ mệnh xã hội được giải quyết bằng các hoạt động kinh doanh sáng tạo chứ không phải dựa chủ yếu vào các nguồn hỗ trợ, tài trợ từ bên ngoài. DNXH “hạng lý tưởng” bao gồm các tiêu chí về kinh doanh, xã hội và quản trị dân chủ có sự tham gia của các bên liên quan. Khái niệm DNXH trong pháp luật Việt Nam chỉ đề cập khía cạnh kinh doanh và xã hội, thiếu vắng các tiêu chí về khía cạnh quản trị.

Thứ hai, mặc dù DNXH là khái niệm phản ánh bản chất hoạt động chứ không phải biểu thị hình thức pháp lý của mô hình này; tuy vậy, các DNXH luôn mong đợi được sử dụng các hình thức pháp lý phù hợp cho mục đích kép: theo đuổi lợi nhuận để thực hiện nhiệm vụ xã hội cao đẹp, khắc phục được những đặc điểm chưa phù hợp của các loại hình doanh nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận truyền thống. Qua nghiên cứu cho thấy, hình thức pháp lý của DNXH chứa những đặc điểm cơ bản là: thuộc khu vực tư nhân, kinh doanh là phương thức hoạt động chủ yếu, đặt sứ mệnh xã hội ở vị trí hàng đầu; hạn chế phân chia lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu xã hội; chịu sự giám sát bởi hệ thống cưỡng chế công. Có hai cách tiếp cận khi xây dựng hình thức pháp lý cho DNXH: i) quy định một hình thức cụ thể cho DNXH; và ii) đề ra các phẩm chất mà DNXH phải đáp ứng, không phân biệt hình thức pháp lý của DNXH. Một số quốc gia đã ban hành các hình thức pháp lý với những quy định chuyên biệt cho DNXH, nhờ đó tạo được những cú hích cho phong trào DNXH.

Thứ ba, mặc dù DNXH được coi là mô hình kinh doanh sáng tạo và cao đẹp, rất cần thiết cho sự phát triển bền vững nhưng DNXH vẫn gặp rất

nhiều rào cản về nhiều mặt như: về nhận thức, về quản trị, về mô hình kinh doanh, về hệ thống hỗ trợ và về nguồn vốn... Các yêu cầu về tính minh bạch của DNXH cũng đang thách thức các hệ thống pháp luật: làm thế nào để qui định mục tiêu xã hội của DNXH đảm bảo phát huy và giám sát được sứ mệnh của DNXH, kết quả hoạt động của DNXH cần được công khai như thế nào và được đo lường bởi công cụ ra sao.

Trên cơ sở lý luận về DNXH, tìm hiểu sâu và so sánh các hệ thống pháp luật tiêu biểu về DNXH của một số nước ở Châu Âu, Châu Á và Mỹ, luận án đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về DNXH ở Việt Nam như sau:

Một là, nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện khái niệm và các tiêu chí của DNXH gồm: i) hoàn thiện cách tiếp cận của pháp luật về định dạng DNXH; ii) mở rộng tiêu chí về hình thức pháp lý của DNXH trong định nghĩa; iii) bổ sung các tiêu chí thuộc khía cạnh quản trị của DNXH vào pháp luật; iv) đưa ra một định nghĩa pháp lý cơ bản về DNXH.

Hai là, nhóm các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hình thức pháp lý của DNXH gồm: i) xây dựng một đạo luật riêng với cách tiếp cận “mở” về hình thức pháp lý cho DNXH; ii) thiết kế một hình thức pháp lý bậc cao cho DNXH hạng lý tưởng ở Việt Nam, thỏa mãn các yêu cầu: có tư cách pháp nhân, chịu trách nhiệm hữu hạn, thu hút được các nguồn tài chính xã hội.

Ba là, nhóm các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ và giám sát DNXH gồm: i) xây dựng một chiến lược quốc gia nhất quán nhằm phát triển DNXH; ii) xác định rõ các hỗ trợ và ưu đãi dành cho DNXH; iii) thành lập một cơ quan chuyên trách quản lý nhà nước về DNXH; iv) nâng tỉ lệ lợi nhuận mà DNXH được phân chia cho các nhà đầu tư, có cơ chế và công cụ để giám sát tiêu chí hạn chế phân chia lợi nhuận của DNXH; v) giải thích khái niệm “cộng đồng” trong lĩnh vực DNXH và đề ra tiêu chuẩn đánh

giá kết quả hoạt động của DNXH; vi) quy định về các bên liên quan, quyền của các bên liên quan, nghĩa vụ tôn trọng tôn trọng lợi ích của các bên liên quan của các nhà quản lý; vii) qui định tách bạch mục đích của DNXH với mục đích của doanh nghiệp thông thường; viii) buộc tất cả các DNXH phải thực hiện nghĩa vụ nộp Báo cáo kết quả hoạt động; ix) quy định cụ thể các yêu cầu về nội dung, thời gian nộp Báo cáo kết quả hoạt động của DNXH; x) ban hành nguyên tắc, tiêu chuẩn để đánh giá kết quả hoạt động của DNXH.

Đầu tư xã hội ngày càng đóng vai trò thiết yếu để tiến tới các Mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc cung cấp mô hình bền vững để thúc đẩy thay đổi xã hội và đổi mới các giải pháp dựa vào thị trường, để ứng phó với những thách thức phát triển. Điều đó đòi hỏi nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó có việc hoàn thiện pháp luật về DNXH ở Việt Nam.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
CỦA ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

S T T	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Bài báo “Xây dựng khung khổ pháp lý cho doanh nghiệp xã hội- Nhu cầu bức thiết của công cuộc tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam”	2014	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Marketing số 20, tr. 19.
2	Bài báo “Một số kiến nghị thúc đẩy doanh nghiệp xã hội tham gia trợ giúp xã hội”	2019	Tạp chí “Lao động và xã hội” số 595 ra ngày 16-31/3/2019.
3	Bài tham luận “Thúc đẩy quyền kinh doanh của quỹ xã hội, quỹ từ thiện dưới góc độ pháp luật thuế: kinh nghiệm từ Mỹ”	2019	Kỷ yếu Hội thảo của Trường ĐH Tài chính- Marketing “Tác động của chính sách thuế đến kinh tế- xã hội Việt Nam”. ISBN: 978-604-922-724-0.
4	Bài báo “Đánh giá các tiêu chí của doanh nghiệp xã hội trong Luật Doanh nghiệp 2014 theo mô hình DNXH lý tưởng của Tổ chức nghiên cứu Châu Âu (EMES)”	2020	Tạp chí PTKHCN- Kinh tế- Luật và Quản lý (STDJELM), Trường ĐH Kinh tế- Luật, số 2/2020.
5	Bài báo “Hình thức của doanh nghiệp xã hội: Công ty Lợi ích của Mỹ và kinh nghiệm cho Việt Nam”	2020	Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, Trường ĐH Luật Tp. HCM, số 2/2020.
6	Bài tham luận “Vai trò của doanh nghiệp đối với phát triển xã hội”	2020	Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia “ Vai trò của khu vực DNXH với phát triển xã hội”, của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Nxb. Lao động, Hà Nội, 8/2020. ISBN: 9786043014440

